TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 213/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận 7, ngày 04 tháng 4 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 113/2018/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm 1978; Địa chỉ: 12/4 Nguyễn Văn Q, tổ 5, khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố H.

2. Bị đơn: Ông Phạm Q, sinh năm 1975; Địa chỉ: 12/4 Nguyễn Văn Q, tổ 5, khu phố 1, phường P, Quận B, Thành phố H.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 có hiệu lực thi hành ngày 01/7/2016;

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 53, Điều 54, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Q.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị K và ông Phạm Q thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 43, quyển số 01/2003 do Ủy ban nhân dân xã V, huyện N, tỉnh Đ cấp ngày 15/5/2003).

- Về con chung: vợ chồng có 02 (hai) con chung tên Phạm Hoàng N (nữ), sinh ngày 04/01/2003 và Phạm Hoàng B (nữ), sinh ngày 01/02/2008, cả hai thỏa thuận giao hai con chung cho bà K trực tiếp nuôi dưỡng, ông Q cấp dưỡng nuôi

con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng)/trẻ.

Bắt đầu cấp dưỡng từ ngày 01/4/2018 cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Trong trường hợp ông Q chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm cấp dưỡng theo quy định của pháp luật tương ứng với thời gian chậm cấp dưỡng tại thời điểm thanh toán.

Ông Phạm Q có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Nguyễn Thị K rút yêu cầu chia tài sản chung vợ chồng đối với phần đất tại ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Đ theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA500530, số vào sổ cấp GCN: CH01524 do UBND huyện N, tỉnh Đ cấp ngày 22/7/2010.

- Về nợ chung: cả hai cam kết không có nợ chung.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị K tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án hôn nhân gia đình là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) và án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025145 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh, bà K đã nộp đủ án phí.

Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.250.000 đồng (một triệu hai trăm năm mười ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2017/0025146 ngày 27/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân Thành phố H;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận B, Tp.H;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp.H;
- UBND xã V, huyện N, tỉnh Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Dung.TK).

THẨM PHÁN
(đã ký)

Nguyễn Bùi Tường Vân